










ランキング結果

Line Following 高校生の部 / High School

Seq	Rank	Country	No.	Name	Point	予選最終順位
1	1	 TWN	H06	Tainan Ying-Hai Haidong No.1	3935	1
2	1	 TWN	H07	Mystery	3935	2
3	3	 JPN	H12	DJ with C	3931	3
4	4	 JPN	H13	サイズミ	2934	4
5	5	 JPN	H10	DJ-LEGACY	2647	5
6	6	 JPN	H11	DJ-fracasso	2512	6
7	7	 CHN	H15	RRRC-Happy Tree Friends	300	7
8	8	 CHN	H14	RRRC-A TEAM	150	8
9	9	 JPN	H01	泉丘高校Aチーム	0	